

Số:137/2021/QĐST-HNGĐ

Diễn Châu, ngày 27 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: xóm Nam L, xã D, huyện D, tỉnh N.

- Bị đơn: chị Cao Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm N, xã D, huyện D, tỉnh N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N

Địa chỉ: số 02, Láng H, Quận B Đ, Hà N.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân H – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện D.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Bùi Ngọc L và chị Cao Thị T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Các con chung Bùi Văn T, sinh ngày 15/4/1998; Bùi Thị l, sinh ngày 09/08/2001 và Bùi Văn L, sinh ngày 11/05/2000 đã trưởng thành nên anh Bùi Ngọc L và chị Cao Thị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung Bùi Thị Hồng N, sinh ngày 10/10/2005 cho chị Cao Thị Trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc trưởng thành. Anh Bùi Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành

Anh Bùi Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Cao Thị t cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Việc chia tài sản chung vợ chồng:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của N

2. Tài sản chung của anh Bùi Ngọc L và chị Cao Thị T gồm: 01 (một) ngôi nhà thái ba gian, diện tích khoảng 63m² và công trình phụ. Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 104 - 64 diện tích 288m² tại xóm N, xã D, huyện D tỉnh N; 01 (một) nhà bếp diện tích 13,33m² có giá trị 3.879.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng); nhà vệ sinh diện tích 9m² có giá trị: 29.844.000 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi tư nghìn đồng); mái tôn diện tích 131m² có giá trị 21.052.000 đồng; 01 (một) cổng sắt diện tích 6,63m² có diện tích có giá trị là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng); 01 (một) bể nước mưa 5m³ giá trị 4.015.000 đồng.

3. Giao cho anh Bùi Ngọc L được quyền sử dụng và quản lý diện tích đất 110m² đất (trong đó có 100m² đất ở và 10m² đất vườn) nằm ở phía N thửa đất có tứ cận như sau:

Cạnh phía Nam thửa đất giáp đất nhà bà Lê Thị Khg dài 11,19m.

Cạnh phía Bắc thửa đất giáp đất nhà chị Cao Thị T dài 11,06m;

Cạnh phía Tây thửa đất giáp đất nhà ông Đào Văn P dài 9,82m.

Cạnh phía Đông thửa đất giáp đường GTNT dài 9,78m.

Giao cho anh Bùi Ngọc L được sở hữu một nhà vệ sinh diện tích 9m² có giá trị: 29.844.000 đồng và một phần mái tôn có giá trị 10.000.000 đồng.

Giao cho chị Trâm được quyền sử dụng và quản lý 178m² diện tích đất (100m² đất ở và 78m² đất vườn) nằm ở phía Bắc thửa đất có tứ cận như sau:

Cạnh phía Nam thửa đất giáp đất ông Bùi Ngọc L dài 11,06m.

Cạnh phía Bắc thửa đất giáp với đất ông Đào Văn L dài 11,67m.

Cạnh phía Tây thửa đất giáp với đất ông Đào Văn P dài 15,69m.

Cạnh phía Đông thửa đất giáp với đất GTNT dài 14,78m.

Giao cho chị Cao Thị Tr được sở hữu 01 nhà thái ba gian, diện tích khoảng 63m² có giá trị 133.305.000 đồng ; 01 nhà bếp có giá trị 3.879.000

đồng; 01 phần mái tôn có giá trị là 11.052.000 đồng; 01 (một) công sắt có giá trị 3.300.000 đồng; 01 (một) bể nước mưa có giá trị 4.015.000 đồng.

Chị Cao Thị T có trách nhiệm giao cho anh Bùi Ngọc L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Án phí: Anh Bùi Ngọc L thỏa thuận chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 4.255.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí chia tài sản chung vợ chồng. Tổng anh Bùi Ngọc L phải chịu 4.555.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ 14.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004346 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DC. Trả lại cho anh Bùi Ngọc L 9.745.000 đồng (chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm án phí.

Chị Cao Thị T phải chịu 5.566.000 đồng (năm triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí chia tài sản chung.

Trả lại cho N thôn 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DC theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004270 ngày 31 tháng 5 năm 2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

-

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Quang Trung